

Bài 1

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Hơn tám thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, xoá bỏ hoàn toàn chế độ thực dân phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam); đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi rất vẻ vang, mở ra kỷ nguyên mới trong sự phát triển của dân tộc ta: kỷ nguyên độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, là cả một pho lịch sử bằng vàng. Kho tàng lịch sử quý giá đó không chỉ gồm những sự kiện lịch sử oanh liệt, hào hùng của Đảng và dân tộc mà điều có ý nghĩa lớn lao là những kinh nghiệm, những bài học lịch sử, những vấn đề lý luận cách mạng Việt Nam được tổng kết từ hiện thực lịch sử với những sự kiện oanh liệt hào hùng đó. Vì vậy, học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi chúng ta.

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đó là kết quả của sự chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng, chính trị và tổ chức; của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sự ra đời của Đảng đáp ứng nhu cầu lịch sử của đất nước ta; phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

1. Tình hình xã hội Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành xâm lược Việt Nam, rồi từng bước thiết lập chế độ thống trị của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta.

Về chính trị, người Pháp trực tiếp nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước, thi hành chính sách cai trị chuyên chế, biến một bộ phận giai cấp tư sản mại bản và địa chủ phong kiến Việt Nam thành tay sai đắc lực. Sự cấu kết giữa chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai là đặc trưng của chế độ thuộc địa. Chính quyền thuộc địa không chỉ tước hết quyền độc lập, quyền tự do dân chủ của nhân dân ta mà còn tiến hành đàn áp một cách dã man mọi phong trào yêu nước, ngăn chặn ảnh hưởng của các trào lưu tiến bộ từ bên ngoài vào nước ta.

Về kinh tế, thực dân Pháp triệt để khai thác Đông Dương vì lợi ích của giai cấp tư sản Pháp, bóc lột tàn bạo nhân dân ta, thực hiện chính sách độc quyền, kìm hãm sự phát triển kinh tế độc lập của nước ta. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, vô nhân đạo, duy trì bóc lột kiểu phong kiến... đẩy nhân dân ta vào cảnh bần cùng, làm cho nền kinh tế bị què quặt, lệ thuộc vào kinh tế Pháp, để lại hậu quả nghiêm trọng, kéo dài.

Về văn hoá - xã hội, Pháp thực hiện chính sách ngu dân, khuyến khích văn hoá nô dịch, sùng Pháp, kìm hãm nhân dân ta trong vòng tăm tối, dốt nát, lạc hậu, phục tùng sự cai trị của chúng.

Quá trình khai thác thuộc địa triệt để của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có những biến đổi lớn; hai giai cấp mới ra đời: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Nước ta từ chế độ phong kiến chuyển sang chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Trong xã hội tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân ta, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến tay sai, chỗ dựa cho bộ máy thống trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp. Hai mâu thuẫn đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược là mâu thuẫn chủ yếu. Vì vậy, nhiệm vụ chống thực dân Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống địa chủ phong kiến tay sai không tách rời nhau. Đấu tranh giành độc lập dân tộc phải gắn chặt với đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đó là yêu cầu của cách mạng Việt Nam đặt ra, cần được giải quyết.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân ta trước khi Đảng ra đời

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài, gian khổ, dân tộc ta sớm hình thành truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất. Vì vậy, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên chống lại chúng. Từ năm 1858 đến trước năm 1930, hàng trăm cuộc khởi nghĩa, phong trào chống Pháp đã nổ ra theo nhiều khuynh hướng khác nhau, như khởi nghĩa của Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân; các cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... lãnh đạo. Các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh đó vô cùng anh dũng, nhưng đã bị thực dân Pháp đàn áp tàn bạo và cuối cùng đều thất bại.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới thất bại của các phong trào đấu tranh là do những người đứng đầu các cuộc khởi nghĩa, các phong trào chưa tìm được con đường cứu nước phản ánh đúng nhu cầu phát triển của xã hội Việt Nam. Cách mạng nước ta đứng trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Việc tìm một con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và thời đại là nhu cầu bức thiết nhất của dân tộc ta lúc bấy giờ.

3. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Giữa lúc cách mạng Việt Nam đang lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) ra nước ngoài, bắt đầu đi tìm đường cứu nước. Người đã qua nhiều nơi trên thế giới, vừa lao động, vừa học tập, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản điển hình (Pháp, Mỹ), tích cực tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Người rất ngưỡng mộ cuộc cách mạng đó, kính phục V. I. Lênin và đã tham gia nhiều hoạt động ủng hộ, bảo vệ cách mạng Nga; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Những hoạt động cách mạng phong phú đó đã giúp Người từng bước rút ra những bài học quý báu và bổ ích cho sự lựa chọn con đường cách mạng của mình.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Luận cương đã giải đáp trúng những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đang trăn trở. Từ đây, Người đã tìm ra con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"¹; xác định những vấn đề cơ bản của đường lối giải phóng dân tộc. Đó là con đường giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn cách mạng dân tộc từng nước với phong trào cách mạng vô sản thế giới.

Đối với Nguyễn Ái Quốc, đây là bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, từ một chiến sĩ giải phóng dân tộc trở thành một chiến sĩ cộng sản quốc tế. Sự kiện đó cũng đánh dấu bước ngoặt mở đường thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, tìm ra con đường đúng đắn giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trở thành chiến sĩ cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng thuộc địa; nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam qua các báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và sau này là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925).

Sau một thời gian ngắn tham gia học tập ở Liên Xô và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại đây, Người sáng lập và trực tiếp huấn luyện Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, sáng lập và viết bài cho báo *Thanh niên*, xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927)... nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước. Người tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán, tiếp tục chuẩn bị về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và các tài liệu tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc được giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam đón nhận như "*người đi đường*

đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn”. Nó lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản; làm dấy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước, trong đó giai cấp công nhân ngày càng trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào quần chúng và phong trào công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có tổ chức đảng chính trị lãnh đạo. Vì vậy, các tổ chức cộng sản lần lượt được thành lập:

- Ngày 17-6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở Bắc Kỳ.

- Mùa Thu năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập ở Nam Kỳ.

- Ngày 1-1-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập ở Trung Kỳ.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, ở Việt Nam đã có ba tổ chức cộng sản tuyên bố thành lập. Điều đó phản ánh xu thế tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng ở Việt Nam, đồng thời sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết của cách mạng đặt ra là cần có một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - cán bộ của Quốc tế Cộng sản, người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam - là người duy nhất có đủ năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản.

Từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng*.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử như là Đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, là kết quả của quá trình lựa chọn, sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử và của quá trình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức của một tập thể chiến sĩ cách mạng, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đó là một mốc lớn, bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước. *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua đã xác định: cách mạng Việt Nam phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường cách mạng duy nhất đúng để thực hiện

mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

II. NHỮNG THÀNH TỰU VĨ ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Đảng lãnh đạo và tổ chức các cuộc đấu tranh cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền - Cách mạng Tháng Tám 1945

Ngay khi vừa mới ra đời, với đường lối cách mạng cứu nước đúng đắn, Đảng ta đã quy tụ, đoàn kết chung quanh mình tất cả các giai cấp, các tầng lớp yêu nước, xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp, đấu tranh chống thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Qua 15 năm đầu tiên lãnh đạo cách mạng (1930-1945), trải qua các cuộc đấu tranh gian khổ hy sinh, với ba cao trào cách mạng lớn (1930-1931, 1936-1939, 1939-1945), khi thời cơ đến Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công. Nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân và lật nhào chế độ phong kiến tay sai thối nát.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân. Dân tộc ta bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"

2. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975)

a) Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ "diệt cộng, cầm Hồ". Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên

quân Anh - Ân lăm le xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đối với các thế lực thù địch, chúng ta đã thực hiện sách lược mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn, phân hoá chúng, dành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến. Với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

b) Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)

Bất chấp mong muốn độc lập và hoà bình của Chính phủ và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng có dã tâm cướp nước ta một lần nữa.

Lịch sử đã đặt dân tộc ta trước một thử thách mới, phải đứng lên bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Đêm ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên với quyết tâm “*thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”¹.

Thắng lợi đó làm sáng tỏ một chân lý: “Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập”².

c) Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược (1954 - 1975)

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội đối lập nhau. Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; trong đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh khổng lồ hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta. Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi oanh liệt mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Đánh giá tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội IV của Đảng viết: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹.

3. Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay)

Bước vào thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam có những thuận lợi, song cũng không ít khó khăn. Khó khăn lớn nhất là nền kinh tế sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại. Trong quan hệ quốc tế, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài tìm mọi cách phá hoại, bao vây, cấm vận, gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam. Trên thế giới, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trải qua nhiều diễn biến phức tạp: chủ nghĩa xã hội gặp những khó khăn, lâm vào khủng hoảng, thoái trào, đặc biệt là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Tình hình đó đã tác động, ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong 10 năm (1975 - 1985), cách mạng Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, trở ngại, thu được những thành tựu quan trọng. Chúng ta đã nhanh chóng hoàn thành việc thống nhất đất nước về mọi mặt, đánh thắng các cuộc chiến tranh biên giới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, nhân dân ta đã có những cố gắng to lớn trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu bình ổn sản xuất và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được còn thấp so với yêu cầu, kế hoạch và công sức bỏ ra; nền kinh tế có mặt mắt cân đối nghiêm trọng, tỷ lệ lạm phát cao quá mức, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm, khẳng định những mặt làm được, phân tích rõ những sai lầm, khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo kinh tế. Đại hội đã đề ra đường lối *đổi mới toàn diện*, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995. Đại hội đưa ra quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phương hướng cơ bản để xây dựng xã hội đó; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước ta đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Đại hội VIII của Đảng (từ ngày 22-6 đến ngày 1-7-1996) đã nhận định: “Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"¹ và đề ra nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000 là: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào thế kỷ XXI².

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định, trong 5 năm 1996-2000, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định: Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội IX trong 5 năm (2001-2005), Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã khẳng định: toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã đạt những thành tựu rất quan trọng:

Một là, nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện.

- Tốc độ tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước. Bình quân trong 5 năm 2001-2005 đạt 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực, gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển, chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng, thế mạnh của mình, đóng góp một cách có hiệu quả vào sự phát triển chung của đất nước. Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến mới rất quan trọng.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Một số loại thị trường mới hình thành, phát triển phù hợp với cơ chế mới.

Hai là, văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ có bước phát triển khá; công tác xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm thu được nhiều kết quả; công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân đạt được kết quả tốt, đã không chế và đẩy lùi được một số bệnh dịch nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng.

Ba là, chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới.

Bốn là, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.

Năm là, công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đại hội cũng chỉ ra những khuyết điểm và yếu kém:

Một là, tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

Hai là, cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng, tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng.

Ba là, các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

Bốn là, tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới, bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là ở cơ sở còn yếu kém; tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức chậm được khắc phục; hoạt động của Quốc hội còn lúng túng; dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm; kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm.

Năm là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng sức chiến đấu yếu.

Những khuyết điểm, yếu kém trên là do nhiều nguyên nhân. Đại hội X của Đảng đã phân tích và chỉ ra nguyên nhân chủ quan là chính. Đó là, tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt; một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực. Đây là những vấn đề cần sớm được khắc phục.

Nhìn lại 20 năm đổi mới, Đại hội X khẳng định: Với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đại hội đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm chủ yếu của quá trình đổi mới ở nước ta.

Những thành tựu và bài học đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Qua 20 năm, hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản, ngày càng sáng tỏ hơn.

Thực hiện chủ trương Đại hội X, Đại hội XI của Đảng đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2011.

Đại hội khẳng định, **nhìn tổng quát**, 5 năm qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được **những thành tựu quan trọng**; ứng phó có kết quả với những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước; cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, các ngành đều có bước phát triển, quy mô nền kinh tế tăng lên; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt một số kết quả tích cực.

Kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* và 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

Mười năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* là giai đoạn đất nước ta thực sự đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã đạt được **những thành tựu to lớn và rất quan trọng**; kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm; tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 so với năm 2000 theo giá thực tế gấp 3,26 lần; thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu gấp 5 lần; tuổi thọ bình quân tăng từ 67 tuổi lên 72,8 tuổi.

Những thành tựu đạt được trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh là **to lớn và có ý nghĩa lịch sử**. Đất nước bước đầu thực hiện thành công công cuộc đổi mới, ra khỏi tình trạng kém phát triển, bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững,

vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

Đại hội đã khẳng định *Nguyên nhân của những thành tựu* đạt được 5 năm qua là do sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, giải quyết kịp thời, có kết quả những vấn đề mới phát sinh; sự đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử; sự điều hành năng động của Chính phủ, chính quyền các cấp; sự nỗ lực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng các doanh nghiệp. Bối cảnh hội nhập quốc tế đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra chưa đạt; kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá xã hội tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Những hạn chế, yếu kém có nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh; những yếu kém vốn có của nền kinh tế; sự chống phá của các thế lực thù địch; *nhưng trực tiếp và quyết định nhất vẫn là nguyên nhân chủ quan*: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức trên nhiều vấn đề cụ thể của công cuộc đổi mới còn hạn chế, thiếu thống nhất. Công tác dự báo trong nhiều lĩnh vực còn yếu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực và một số vấn đề lớn chưa tập trung, kiên quyết, dứt điểm; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn bất cập.

Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về những khuyết điểm, yếu kém đã làm hạn chế những thành tựu lẽ ra có thể đạt được nhiều hơn.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Đại hội XI đã rút ra **một số kinh nghiệm** sau đây:

Một là, trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, *phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ*

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với những bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với chú trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và ý thức trách nhiệm của mỗi công dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cả cộng đồng.

Hai là, phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Phát triển lực lượng sản xuất phải đồng thời xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp; củng cố và tăng cường các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Ba là, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thật sự phát huy dân chủ, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, trong sáng về đạo đức, lối sống, có sức chiến đấu cao, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước; chú trọng công tác dự báo, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

Trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước trong thời gian tới, Đại hội XI đã đề ra nhiệm vụ tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đại hội khẳng định, thực tiễn phong phú và những thành tựu đạt được qua 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân tộc ta có độc lập, tự do thực sự, đất nước phát triển phồn vinh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Qua tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội đánh giá ý nghĩa lịch sử và giá trị định hướng, chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh đối với công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần tiếp tục được giải đáp. Đại hội đã quyết định bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 để làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội; phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; và đến giữa thế kỷ XXI trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đại hội đề ra nhiệm vụ tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ với chất lượng và hiệu quả cao hơn; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển kinh tế thị trường gắn với giải quyết hài hoà các vấn đề xã hội, môi trường; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đặc biệt chú trọng xử lý và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đặc biệt, Đại hội XI, đề ra 7 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.
- Cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, sinh hoạt của nhân dân.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.
- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông, yếu tố đang gây ách tắc, cản trở sự phát triển kinh tế, gây bức xúc trong nhân dân.
- Đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay.

Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự, kỷ cương xã hội).

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn này.

III. NHỮNG TRUYỀN THỐNG QUÝ BÁU CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng không ngừng được tôi luyện, trưởng thành và đã xây dựng nên những truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp của Đảng. Đó là:

- Bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng.
- Tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo.
- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Trung thành với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, gắn bó mật thiết với nhân dân.
- Kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng.
- Giữ gìn đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế...

Những truyền thống quý báu của Đảng là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân quốc tế, là sức mạnh bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Đó là kết quả của quá trình vun trồng, xây đắp bền bỉ, là sự hy sinh, phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ đảng viên của Đảng. Những truyền thống đó có ý nghĩa dân tộc và quốc tế sâu sắc, thể hiện tinh thần cách mạng triệt để, trình độ trí tuệ ngày càng được nâng cao của Đảng ta.

Khái quát lịch sử Đảng có thể khẳng định rằng: ngay từ khi vừa mới ra đời, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã nắm bắt đúng xu thế phát triển của thời đại, gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân. Vì vậy, trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, nhất là trong những bước ngoặt lịch sử phải đương đầu với mọi thử thách, dù hiểm nghèo, tưởng không thể vượt qua, Đảng đã kịp thời có những quyết sách sáng suốt, đúng đắn, đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn, đưa con thuyền cách mạng vượt lên.

Cơ sở, nguồn gốc sức mạnh và truyền thống của Đảng là ở chỗ: Đảng đứng vững trên nền tảng tư tưởng tiên tiến của thời đại, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng không chỉ nắm bắt những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn vận dụng sáng tạo và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Cơ sở, nguồn gốc sức mạnh của Đảng còn ở chỗ

Đảng đã không ngừng phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tiếp thu những tinh hoa trí tuệ của nhân loại.

Học tập, nghiên cứu lịch sử và truyền thống của Đảng để tự hào về Đảng và góp phần giữ vững, kế thừa, phát huy những truyền thống đó, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm thời đại mới.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích hoàn cảnh ra đời và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Từ khi ra đời tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại. Khái quát các thắng lợi vĩ đại trong 80 năm qua.

3. Phân tích những truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bài 2

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(Bổ sung, phát triển năm 2011)

A. VỀ CƯƠNG LĨNH VÀ CÁC CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG

I. VỀ CƯƠNG LĨNH

1. Cương lĩnh là gì?

Trong xã hội có mâu thuẫn giai cấp đối kháng, đấu tranh giai cấp mang tính tự phát với mục tiêu kinh tế sẽ phát triển dần đến đấu tranh mang tính tự giác - đấu tranh chính trị, liên quan đến vấn đề giành hoặc giữ chính quyền. Đấu tranh chính trị đòi hỏi giai cấp phải có mục tiêu chính trị rõ ràng, tổ chức chặt chẽ, tập hợp, huy động đông đảo lực lượng của giai cấp và các lực lượng liên minh với mình. Đó là yêu cầu và điều kiện ra đời của đảng chính trị - đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức cao nhất, chặt chẽ nhất, kiên quyết nhất của giai cấp. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó, đảng chính trị phải có Cương lĩnh chính trị (cũng gọi là Chính cương; Luận cương chính trị...)

Cương lĩnh chính trị là văn kiện cơ bản, chỉ rõ mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ, phương pháp cách mạng trong một giai đoạn lịch sử nhất định của một chính đảng hoặc một tổ chức chính trị.

2. Tính chất của Cương lĩnh

Bất kỳ bản Cương lĩnh chính trị nào cũng có các tính chất cơ bản sau:

- Cương lĩnh là bản tuyên ngôn

Cương lĩnh là bản tuyên ngôn chính trị, là sự tuyên bố của Đảng về tôn chỉ, mục đích của Đảng; mục tiêu, lý tưởng mà Đảng phấn đấu để đạt được trước thế giới, trước công chúng, quần chúng nhân dân... V.I.Lênin viết: "Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn vắn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên *tất cả những điều mà đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đảng đấu tranh*"¹.

- Cương lĩnh là lời hiệu triệu.

Thông qua Cương lĩnh, chính đảng tập hợp lực lượng gia nhập đảng và nhận được sự ủng hộ, tự nguyện đi theo đảng của các tầng lớp nhân dân, bạn bè quốc tế. Với Đảng ta, Cương lĩnh chính trị là cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ các lực lượng xã hội phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- Cương lĩnh là văn bản "pháp lý" cao nhất của Đảng

Cương lĩnh là văn bản quan trọng nhất của Đảng, là *cơ sở lý luận và đường lối cơ bản* của Đảng, định hướng cho đường lối trong các lĩnh vực. Mọi văn bản, nghị quyết khác của Đảng đều phải tuân thủ, phù hợp, không được trái với Cương lĩnh, kể cả Điều lệ Đảng.

Cương lĩnh do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng thông qua và ban hành. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải chấp hành Cương lĩnh.

- Cương lĩnh là văn bản có tính chiến lược lâu dài.

Cương lĩnh là văn bản trình bày những nội dung cơ bản về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng trong một giai đoạn dài. Nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị của Đảng là nhiệm vụ cho 5 năm, của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội là 10 năm thì Cương lĩnh định hướng sự phát triển của đất nước trong thời gian dài, thậm chí cả thời kỳ quá độ...

- Cương lĩnh là cơ sở của công tác xây dựng và phát triển Đảng.

Mọi Đảng viên trước khi gia nhập Đảng đều phải biết về Cương lĩnh, trên cơ sở đó, tự nguyện gia nhập Đảng và thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng.

II. CÁC CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG

1. Những Cương lĩnh đầu tiên của Đảng

Ngay từ khi thành lập, Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh chính trị để tập hợp và lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Đến tháng 10-1930, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Luận cương cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư của Đảng soạn thảo. Nội dung cơ bản của Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Luận cương cách mạng tư sản dân quyền đã được thông qua là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Dưới ánh sáng của các Cương lĩnh đầu tiên đó, nhân dân ta đã thực hiện thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945) vĩ đại, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

2. Chính cương Đảng lao động Việt Nam

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951), Đảng ta đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam và thông qua "Chính cương Đảng Lao động Việt Nam".

Chính cương Đảng Lao động Việt Nam có tư tưởng nổi bật là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ để tiến lên làm cách mạng XHCN, là ngọn cờ chiến đấu và chiến thắng của dân tộc ta, của Đảng ta. Thực hiện Chính cương Đảng lao động Việt Nam, nhân dân ta tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc hết sức vẻ vang; giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, đưa cả nước đi lên CNXH và bắt đầu công cuộc đổi mới.

3. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991

Vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, bối cảnh thế giới đã có nhiều biến đổi sâu sắc; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Chủ nghĩa Mác-Lênin, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội...trải qua thử thách gay gắt, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI đã thu được những thành tựu nhất định nhưng đời sống nhân dân còn khó khăn, khủng hoảng kinh tế-xã hội chưa được khắc phục...

Trước tình hình đó, tại Đại hội VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*.

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam trình bày thái độ của mình về quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo từ khi thành lập; đánh giá của Đảng về thời đại, về tình hình quốc tế và trong nước, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội; đề ra mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước trong suốt thời kỳ quá độ. Cương lĩnh năm 1991 trở thành vũ khí tư tưởng, lý luận, định hướng về tư tưởng và lý luận cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy khó khăn và phức tạp. Thực hiện Cương lĩnh năm 1991, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đoàn kết phấn đấu, vượt qua những khó khăn, thử thách, giành được thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã có sự thay đổi toàn diện, thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài, vượt qua tình trạng nước nghèo, kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng tăng, tạo tiền đề để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

4. Sự bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 của Đại hội XI

Sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời, tình hình trong nước và thế giới đã có những biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, quá trình toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực và ngày càng được nhiều nước công nhận là nền kinh tế thị trường; giao lưu văn hóa, xã hội diễn ra mạnh mẽ...Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng phải bày tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình và định hướng con đường đi lên của đất nước trong thời kỳ từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Do đó, sau Đại hội X, Đảng ta đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh năm 1991 cho phù hợp với điều kiện mới. Đại hội XI của Đảng đã thông qua **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** (*Bổ sung, phát triển năm 2011*), thay thế Cương lĩnh năm 1991.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*Bổ sung, phát triển năm 2011*), gọi tắt là Cương lĩnh (*Bổ sung, phát triển năm*

2011), kế thừa những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 như:

- Ba thắng lợi vĩ đại mà Đảng và nhân dân ta đã giành được kể từ khi thành lập Đảng... Bên cạnh đó, Đảng cũng phạm một số sai lầm, khuyết điểm; năm bài học kinh nghiệm lớn mà Cương lĩnh năm 1991 rút ra từ 60 năm cách mạng Việt Nam.

- Về thời đại ngày nay (thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, khẳng định loài người nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội, những mâu thuẫn cơ bản của thời đại...); về những đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại (cách mạng khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức; quá trình toàn cầu hóa; về các vấn đề toàn cầu...); về những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã đạt được cùng những tổn thất do sự đổ vỡ của nó mang lại; sự thoái trào và khó khăn của chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; nhận định về bản chất, về tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản; đặc điểm của khu vực châu Á-Thái bình dương...

- Mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, về đặc điểm cơ bản của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, những phương hướng cơ bản chúng ta cần thực hiện để đạt được mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Nội dung cơ bản trong các định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội, về bản chất của Đảng, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng, phương hướng củng cố, xây dựng Đảng...

Về cơ bản kế thừa các quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh năm 1991, nhưng Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*Bổ sung, phát triển năm 2011*) cũng có nhiều điểm mới (bổ sung và phát triển) so với Cương lĩnh năm 1991 như:

- Bổ sung vào ba thắng lợi vĩ đại thành tựu của công cuộc đổi mới sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời.

- Bổ sung một số nội dung vào năm bài học kinh nghiệm lớn.

- Bổ sung, phát triển đánh giá về thời đại ngày nay, về đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại (sự cùng tồn tại hòa bình, vừa hợp tác, vừa đấu tranh của các nước có chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau; về xu thế lớn của thế giới ngày nay là hòa bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển bên cạnh xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, tài nguyên...); thành tựu của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại; phong trào cộng sản, công nhân phục hồi nhưng còn khó khăn; châu Á-Thái bình dương là khu vực phát triển năng động nhưng tiềm ẩn nguy cơ bất ổn...

- Bổ sung vào mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng hai đặc trưng (đặc trưng bao trùm và đặc trưng về Nhà nước; đồng thời điều chỉnh đặc trưng về kinh tế và một số đặc trưng khác.

- Bổ sung, phát triển, cụ thể hóa một số nội dung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, một số nội dung trong các phương hướng cơ bản đi lên chủ nghĩa xã hội; bổ sung những mối quan hệ cần nắm vững và xử lý tốt trong thực hiện các phương hướng cơ bản.

- Điều chỉnh, bổ sung mục tiêu phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Điều chỉnh, bổ sung nhiều điểm mới trong định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế-xã hội cụ thể.

- Phát triển cách diễn đạt về bản chất của Đảng cho phù hợp hơn với nhiệm vụ đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay...

Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng trình bày những quan điểm, tư tưởng gọn hơn, rõ hơn, phù hợp với nhận thức và ngôn ngữ hiện nay.

B. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CƯƠNG LĨNH

(Bổ sung, phát triển năm 2011)

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được kết cấu thành 4 mục lớn:

Mục I: Quá trình cách mạng Việt Nam.

Trong mục này, trên cơ sở nhìn lại 80 năm cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, Đảng ta khẳng định những thắng lợi vĩ đại mà Đảng và nhân dân ta đạt được; đồng thời cũng thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong 80 năm ấy. Từ kinh nghiệm 80 năm cách mạng, Đảng rút ra năm bài học kinh nghiệm lớn. Những bài học này có ý nghĩa quan trọng chỉ đạo cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

Mục II: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong mục này, Cương lĩnh trình bày về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là nội dung quan trọng nhất của Cương lĩnh, gồm các vấn đề:

- Bối cảnh quốc tế và trong nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

- Mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng.

- Các mục tiêu và những phương hướng cần thực hiện để đạt các mục tiêu đó.

Mục III: Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Mục IV: Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trên cơ sở các phương hướng chung nêu ở Mục II, Cương lĩnh cụ thể hóa thành các định hướng phát triển trên các lĩnh vực cụ thể. Mục III nêu các định hướng phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Mục IV thực chất là nêu các định hướng xây dựng hệ thống chính trị; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đây là nhân tố quyết định thành công của quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

I. QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những thắng lợi vĩ đại

Trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định *những thắng lợi vĩ đại* của cách mạng Việt Nam là:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do;

- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế;

- Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều.

Đảng cũng thừa nhận trong Cương lĩnh: "...có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan". Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn.

2. Những bài học kinh nghiệm lớn

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Đảng đã rút ra *năm bài học kinh nghiệm lớn*:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân.

Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

a) Bối cảnh quốc tế

- Thời đại ngày nay là thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới, thể hiện qua khẳng định của Đảng trong Cương lĩnh: "Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới.

Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội".

Mâu thuẫn cơ bản của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội luôn là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Xu thế chung nhất của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là xu thế tiên bộ, phát triển đi lên, ngày càng thắng thế của chủ nghĩa xã hội, nhưng cũng không tránh khỏi những bước thụt lùi, quanh co, phản tiến bộ thắng thế trong những giai đoạn nhất định của thời đại.

- Giai đoạn hiện nay của thời đại có những đặc điểm cơ bản:

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước.

+ Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển.

+ Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. *Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn*; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp.

+ Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định.

+ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những *thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển*; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những

không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

+ Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

+ Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển, trong đó có nước ta.

b) Bối cảnh trong nước

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn và thuận lợi cơ bản:

- Khó khăn:

+ Đi lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Do điểm xuất phát của nước ta thấp nên nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

- Thuận lợi:

+ Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo;

+ Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng;

+ Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

2. Đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta phấn đấu xây dựng không phải mô hình chủ nghĩa xã hội cũ đã bị sụp đổ, mà là mô hình mới với các đặc trưng cơ bản:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đây là đặc trưng tổng quát, là "khẩu hiệu rút gọn" của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Do nhân dân làm chủ.

Đây là đặc trưng riêng có của chủ nghĩa xã hội. Trong chế độ phong kiến, người làm chủ là vua; trong chế độ tư bản, người làm chủ là các nhà tư bản; chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội, nhân dân là người làm chủ.

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Khi nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại thì chế độ sở hữu lúc đó phải là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu (theo quy luật phù hợp giữa tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất), nhưng công hữu phải được hiểu theo quan niệm mới (sở hữu xã hội), không chỉ có sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể như cách hiểu trước đây.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Nhà nước pháp quyền là nhà nước đề cao vai trò của pháp luật; mọi tổ chức trong xã hội, mọi công dân đều phải tuân thủ, thực hiện pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa ba quyền (Lập pháp, hành pháp và tư pháp), nhưng không đối lập giữa ba quyền ấy; mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

3. Một số mục tiêu trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phương hướng thực hiện các mục tiêu đó

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt các phương hướng cơ bản sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt (không phiến diện, cực đoan, duy ý chí...) các mối quan hệ lớn, đó là các mối quan hệ:

- Giữa đổi mới, ổn định và phát triển;
- Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;
- Giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;
- Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;
- Giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;
- Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;
- Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;...

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Định hướng phát triển kinh tế

a) Định hướng phát triển quan hệ sản xuất

- Định hướng chung:

+ Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

+ Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

- Về sở hữu và thành phần kinh tế:

+ Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

+ Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

+ Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

- Về kinh tế thị trường:

Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Về quan hệ quản lý:

+ Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

+ Các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

- Về quan hệ phân phối:

+ Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển;

+ Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

b) Định hướng phát triển lực lượng sản xuất

- Định hướng chung:

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Về kinh tế ngành:

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững.

+ Gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

+ Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế.

+ Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

- Về kinh tế vùng:

+ Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền;

+ Thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

- Về kinh tế đối ngoại:

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa-xã hội

a) Định hướng phát triển văn hóa

- *Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.*

- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

b) Định hướng xây dựng con người

- *Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.*

- *Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.*

- Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

c) Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

- *Giáo dục và đào tạo* có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

- Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.

- Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

d) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ

- *Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí.

- Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

e) Định hướng công tác bảo vệ môi trường

- *Bảo vệ môi trường* là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch.

- Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

- Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

f) Định hướng chính sách xã hội

- *Chính sách xã hội* đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

- Phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

- Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

g) Định hướng xây dựng các giai tầng trong xã hội

- Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước.

- Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp

dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

- Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

- Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

3. Định hướng phát triển quốc phòng, an ninh

a) Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

- Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

b) Trách nhiệm đối với quốc phòng, an ninh

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

b) Kết hợp quốc phòng với an ninh, kinh tế

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

- Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

c) Đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh

- Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân.

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với

số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

- Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

- Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

d) Lãnh đạo quốc phòng, an ninh

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

4. Định hướng công tác đối ngoại

- Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại.

- Mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

- Phân đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

IV. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG 1. Về dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực.

- Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

- Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

2. Nhà nước

- Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân:

+ Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

+ Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

+ Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

a) Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

- Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên;

- Thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh;

- Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước;
- Giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

- Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận.

- Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

c) Các đoàn thể nhân dân

- *Các đoàn thể nhân dân* tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể.

- Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam

- *Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích và nêu rõ những đặc điểm (thuận lợi, khó khăn) của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
2. Phân tích những đặc trưng cơ bản của mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng.
3. Nêu rõ những phương hướng cơ bản và những mối quan hệ cần nắm vững, xử lý tốt để đạt được các mục tiêu đề ra.

Bài 3

NỘI DUNG CƠ BẢN ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Điều lệ Đảng là gì?

Điều lệ Đảng là văn bản pháp lý cơ bản của Đảng, xác định tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động, cơ cấu bộ máy của Đảng; quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và của tổ chức đảng các cấp.

Mục đích của việc xây dựng Điều lệ Đảng là nhằm thống nhất tư tưởng, tổ chức và hành động trong toàn Đảng, thực hiện mục tiêu của Đảng.

Điều lệ Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng thông qua và ban hành. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải chấp hành Điều lệ Đảng.

2. Đặc điểm của Điều lệ Đảng

- Là văn bản pháp lý cơ bản của Đảng, Điều lệ Đảng được viết ngắn gọn, chặt chẽ, dễ hiểu, hiểu cùng một nghĩa và được chia thành các phần, chương, điều, điểm để thi hành thống nhất.

Có một số vấn đề cụ thể không đưa vào Điều lệ Đảng sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Đảng là Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định; các cơ quan chức năng, như Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương... hướng dẫn thi hành, bảo đảm cho Điều lệ Đảng được thi hành thống nhất, nghiêm minh.

- Điều lệ Đảng có giá trị và hiệu lực thi hành trong toàn Đảng. Một số nội dung của Điều lệ Đảng được thể hiện trong Hiến pháp, các bộ luật của Nhà nước và văn kiện cơ bản của các tổ chức chính trị - xã hội. Điều lệ Đảng có những chương riêng để nêu rõ các quy định về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Điều lệ Đảng có tính kế thừa, ổn định tương đối và được phát triển cùng với quá trình phát triển của cách mạng, của Đảng. Mỗi nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, cùng với việc quyết định quan điểm, đường lối chính trị cho thời kỳ mới, Điều lệ Đảng được Đại hội xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng. Từ Đại hội XI, Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc ban hành Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng được sửa đổi, bổ sung bởi Đại hội.

Từ Điều lệ đầu tiên (Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam) được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930 đến nay, Điều lệ Đảng đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần.

Điều lệ Đảng hiện hành được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19-01-2011.

II. TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Nội dung phần mở đầu

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội XI thông qua có tiêu đề phần mở đầu là “Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng”, trình bày khái quát về Đảng và những vấn đề cơ bản nhất về xây dựng Đảng. Nội dung cụ thể như sau:

- *Khái quát quá trình lịch sử Đảng*, Điều lệ viết: “Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc”.

- *Về bản chất của Đảng*, Điều lệ ghi: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc”.

- *Về mục tiêu của Đảng*, Điều lệ nói rõ: “Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”.

- *Về nền tảng tư tưởng của Đảng*, Điều lệ khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân”.

- *Về tổ chức và nguyên tắc cơ bản hoạt động của Đảng*, Điều lệ quy định: “Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

- *Về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị*, Điều lệ xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.

- *Về quan điểm quốc tế của Đảng*, Điều lệ nói rõ: “Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công

nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới”.

- *Về công tác xây dựng Đảng*, Điều lệ xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng”.

Những nội dung trên thể hiện một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tiêu chí một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Cương lĩnh chính trị của Đảng đã vạch ra.

2. Các chương của Điều lệ Đảng

Chương I: Đảng viên.

Chương này có tám điều, là chương rất quan trọng của Điều lệ Đảng, xác định vị trí, vai trò, quy định tiêu chuẩn của người đảng viên; điều kiện được xem xét để kết nạp Đảng; nhiệm vụ và quyền của đảng viên; thủ tục kết nạp người vào Đảng; phát triển và quản lý thể đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên, điều kiện được giảm, miễn công tác và sinh hoạt Đảng cũng như xoá tên trong danh sách đảng viên...

Chương II: Nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng.

Chương này có sáu điều, khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ; những nội dung cơ bản của nguyên tắc đó; hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

Chương II còn quy định chức năng, nhiệm vụ của cấp uỷ các cấp trong việc triệu tập đại hội từng cấp khi hết nhiệm kỳ; tiêu chuẩn và số lượng cấp uỷ viên; phê chuẩn cấp uỷ và những cơ quan tham mưu giúp cấp uỷ mỗi cấp.

Chương III và IV: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương và ở địa phương.

Hai chương này có sáu điều, bao gồm những quy định về đại hội Đảng các cấp, về bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp và nhiệm vụ của các cơ quan đó.

Chương V: Tổ chức cơ sở đảng.

Chương V có bốn điều, quy định ba nội dung lớn về tổ chức cơ sở đảng:

- Xác định vị trí của tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

- Quy định điều kiện thành lập và những nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ; việc bầu đảng uỷ viên và chi uỷ viên.

- Quy định về nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng và chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Chương VI: Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Chương này có năm điều, quy định về tổ chức đảng trong Quân đội và Công an, nằm trong hệ thống tổ chức chung của Đảng. Điều lệ Đảng xác định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Chương VII: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và Uỷ ban kiểm tra các cấp.

Chương này có bốn điều, xác định vị trí công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; nội dung công tác kiểm tra, giám sát; nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát cấp uỷ các cấp.

Chương VIII: Khen thưởng và kỷ luật.

Chương này có bảy điều, quy định mục đích, hình thức và thẩm quyền thi hành khen thưởng và kỷ luật.

Chương IX: Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương này có ba điều, quy định rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương X: Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chương này có hai điều, nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên cũng là một đoàn thể nhân dân, nhưng Đoàn Thanh niên là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, nên Điều lệ dành một chương riêng nói về sự lãnh đạo của Đảng với Đoàn Thanh niên.

Chương XI: Tài chính của Đảng.

Chương này chỉ có một điều, quy định rõ tài chính của Đảng gồm: đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác; thực hiện nguyên tắc, chế độ thu chi, quản lý tài chính... theo những quy định thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương XII: Chấp hành Điều lệ Đảng.

Chương này có hai điều, quy định mỗi đảng viên và tổ chức của Đảng phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng và kịp thời đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm. Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

III. GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Mỗi công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, nếu muốn đứng trong hàng ngũ của Đảng đều phải nghiên cứu để nắm vững các nội dung của Điều lệ Đảng. Phân tích dưới đây giúp người học nắm chắc những nội dung cơ bản của Điều lệ:

1. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Bản chất giai cấp của Đảng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, được quán triệt trong toàn bộ Điều lệ Đảng, chi phối toàn bộ nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn khẳng định bản chất giai cấp công nhân của mình.

Trong *Chương trình tóm tắt* của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định: "Đảng là đội tiên phong lãnh đạo của đội quân vô sản gồm một số lớn giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng". *Sách lược vắn tắt* viết: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được quần chúng".

- Xác định rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng, xuất phát từ nhận thức khoa học về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân hình thành, phát triển cùng với nền sản xuất đại công nghiệp, đại biểu cho phương thức sản xuất mới tiến bộ, có tinh thần cách mạng triệt để và tính tổ chức cao. Giai cấp công nhân có hệ tư tưởng khoa học và cách mạng hướng dẫn, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Là giai cấp lao động, bị bóc lột nên giai cấp công nhân có điều kiện liên minh với giai cấp nông dân và quần chúng lao động để xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới, không có áp bức, bóc lột là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Ngày nay, trong nền sản xuất hiện đại, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, giai cấp công nhân thế giới đang có những biến đổi to lớn về quy mô, trình độ kiến thức, cơ cấu nghề nghiệp, mức sống... Song, bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vẫn không thay đổi.

Ở nước ta, tuy số lượng còn ít, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam và chính đảng của mình luôn đứng vững trên lập trường cách mạng, giữ vững bản chất giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thể hiện quan hệ gắn bó giữa giai cấp và dân tộc. Sự ra đời của Đảng từ ba nguồn gốc là phong trào yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân. Chính vì vậy, mục tiêu, lợi ích của Đảng, của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc là thống nhất. Thắng lợi của

cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ đều bắt nguồn từ việc Đảng giải quyết đúng đắn mối quan hệ mật thiết giữa giai cấp và dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo nhân dân. Về vấn đề lợi ích, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài mục đích phục vụ nhân dân, phục vụ dân tộc.

Đại hội X đã khẳng định: “*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc*”.

Cách diễn đạt mới này phản ánh đầy đủ, sát thực bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng ra đời từ phong trào công nhân, phong trào yêu nước của dân tộc, kiên trì đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc. Đó cũng là cách diễn đạt về Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra tại Đại hội II năm 1951: “Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹.

- Để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong tình hình mới, Điều lệ Đảng và các văn kiện Đại hội của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ của mỗi đảng viên của Đảng là:

+ Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

+ Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Xuất phát từ thực tiễn cụ thể của nước ta để đề ra đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn; đồng thời, bằng hành động cách mạng biến đường lối, chủ trương đó thành hiện thực sinh động trên mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Đấu tranh kiên quyết, kịp thời chống lại mọi biểu hiện cơ hội, hữu khuynh, giáo điều, bảo thủ; phê phán những luận điệu và thủ đoạn của các thế lực thù địch đả kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Luôn luôn phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá, tri thức của thời đại để làm giàu kiến thức, giải quyết thành công những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng nước ta, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của thế giới.

+ Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

+ Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

+ Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống và thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng.

2. Nhiệm vụ và quyền của đảng viên

a) Nhiệm vụ

Nhiệm vụ đảng viên được quy định trong Điều 2 Điều lệ Đảng, gồm bốn điểm là:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt Đảng và đóng đảng phí đúng quy định”.

Thực hiện các nhiệm vụ trên, mỗi đảng viên cần nắm vững nội dung cơ bản sau:

Một là, kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận “đa nguyên, đa đảng”.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giai

cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Hai là, mọi đảng viên phải hiểu rõ cơ hội lớn để đất nước phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại để vận dụng vào nhiệm vụ của mình. Đồng thời, phải nhận thức sâu sắc những thách thức lớn, các nguy cơ đang đe dọa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta để tự giác góp phần đẩy lùi, từng bước khắc phục.

Mỗi đảng viên phải ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tiêu cực, tệ nạn trong xã hội; cảnh giác và kiên quyết chống mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, trước hết là trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ cụ thể của mỗi người.

Ba là, đất nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới với nhiệm vụ trung tâm là xây dựng, phát triển kinh tế, điều đó đòi hỏi đảng viên phải nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, thực hiện vai trò tiên phong, gương mẫu.

Vì vậy, nhiệm vụ học tập càng trở nên đặc biệt quan trọng. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi đảng viên. Có nhiều hình thức và phương pháp học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể mà tổ chức đảng và mỗi đảng viên phải có kế hoạch, chế độ học tập phù hợp.

Bốn là, có mối quan hệ gắn bó mật thiết với quần chúng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân dân lao động cần có Đảng với tư cách là người lãnh đạo, lãnh tụ chính trị bảo đảm cho cuộc đấu tranh của nhân dân giành thắng lợi. Và ngược lại, Đảng cần được nhân dân ủng hộ, tích cực thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đảng viên dễ quan liêu, xa rời nhân dân. Đây là một nguy cơ lớn đối với sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa. Mọi đảng viên phải thường xuyên gắn bó mật thiết với quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân phản ánh với Đảng, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân và gia đình mình thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Năm là, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, chống lại sự phá hoại

của kẻ thù. Thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh. Tích cực làm công tác phát triển đảng viên mới.

b) Quyền của đảng viên

Điều 3 Điều lệ Đảng quy định đảng viên có những quyền sau:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng”. Các quyền của đảng viên nêu trong Điều lệ Đảng nhằm bảo đảm cho đảng viên thực hiện đầy đủ quyền dân chủ về mặt chính trị trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra *quyền tự do phục tùng chân lý*”¹. Những quy định về quyền của đảng viên tạo điều kiện cho đảng viên và tổ chức đảng thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Trong quá trình phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn kiên trì và từng bước cụ thể hoá nguyên tắc này phù hợp với sự phát triển của cách mạng Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

Điều 9 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ”. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

+ Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

+ Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là Ban Chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

+ Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo

tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

+ Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

+ Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

+ Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

- Để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, cần nhận thức đúng đắn và thống nhất nội dung của nguyên tắc này; đồng thời, phải có cơ chế, các quy định, quy chế làm việc cụ thể, đồng bộ, bảo đảm thực hiện nghiêm minh ở mỗi cấp, ở mỗi tổ chức đảng.

- Phát huy dân chủ sẽ khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện tốt dân chủ trong Đảng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy dân chủ trong các cơ quan nhà nước cũng như toàn xã hội. Khuyến khích mọi người mạnh dạn suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo, đóng góp xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Điều này có ý nghĩa to lớn trong sự phát triển của cách mạng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

- Dân chủ phải gắn liền với tập trung, phát huy dân chủ đi đôi với việc tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật của Đảng. Đây là mối quan hệ biện chứng cần được nhận thức, xử lý đúng đắn trong thực tiễn. Tuyệt đối hoá mặt này đi đến hạ thấp hoặc phủ nhận mặt kia đều không đúng.

- Ngoài việc khẳng định tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản cho hoạt động của Đảng, Điều lệ Đảng còn quy định: tự phê bình và phê bình; đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; gắn bó mật thiết với nhân dân; Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

4. Khen thưởng và kỷ luật trong Đảng

a) Khen thưởng trong Đảng

Điều 34 Điều lệ Đảng quy định: “Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”. Tại Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức Trung ương có quy định hình thức khen thưởng định kỳ và không định kỳ cho tổ chức đảng và đảng viên như sau:

- Đối với tổ chức đảng: Tặng giấy khen, bằng khen, cờ cho các tổ chức đảng gồm: Đảng bộ huyện hoặc tương đương; tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ bộ phận; chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở; tổ đảng trực thuộc chi bộ; các ban tham mưu và đơn vị sự nghiệp của Đảng.

- Đối với đảng viên: Tặng giấy khen, bằng khen, huy hiệu 30 năm, 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm, 80 năm tuổi Đảng.

- Các cấp uỷ có thẩm quyền xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên theo định kỳ hàng năm, gắn với việc tổng kết của đảng bộ, chi bộ; theo nhiệm kỳ đại hội 5 năm/lần đối với đảng bộ cấp huyện và tương đương; khen thưởng không theo định kỳ đối với tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc.

+ Đảng uỷ cơ sở: xét tặng giấy khen cho những chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu trong năm.

+ Huyện uỷ (và tương đương): xét quyết định công nhận tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh, tặng giấy khen cho những chi bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

+ Tỉnh uỷ (và tương đương): quyết định tặng bằng khen cho những tổ chức cơ sở đảng, tặng huy hiệu 30, 40, 50, 60, 70, 80 năm tuổi Đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

b) Kỷ luật trong Đảng

- Kỷ luật Đảng là những quy định bắt buộc mọi đảng viên và tổ chức đảng phải nghiêm chỉnh chấp hành. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được thể chế hoá thành Hiến pháp, pháp luật, nghị định, chỉ thị, quy định của Nhà nước, chủ trương điều lệ của đoàn thể. Tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động theo khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật..., do đó, đảng viên và tổ chức đảng vi phạm Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, chủ trương điều lệ của đoàn thể là vi phạm kỷ luật của Đảng.

- Kỷ luật của Đảng bắt nguồn từ bản chất giai cấp công nhân, từ nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, vừa có tính nghiêm túc, vừa mang tính tự giác. Nghiêm túc phải trên cơ sở tự giác, tự giác càng cao thì kỷ luật càng nghiêm túc.

- Thi hành nghiêm kỷ luật Đảng là một nội dung quan trọng nhằm giữ vững sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, bảo đảm cho Đảng trong sạch vững mạnh, tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng là một yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho Đảng tồn tại, hoạt động và phát triển.

- Phương châm thi hành kỷ luật đã được Điều lệ Đảng xác định là “Công minh, chính xác, kịp thời”.

+ *Công minh* là bất cứ đảng viên và tổ chức nào, không kể chức vụ cao hay thấp, tuổi Đảng nhiều hay ít, tổ chức cấp trên hay cấp dưới, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải xem xét, kết luận, xử lý nghiêm túc, không có ngoại lệ, không có khu vực cấm.

+ *Chính xác* là việc thi hành kỷ luật phải đúng người hoặc tổ chức vi phạm, đúng nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân của vi phạm. Khi xem xét, xử lý kỷ luật phải thẩm tra, xác minh chu đáo, phân biệt rõ bản chất và hiện tượng, vi phạm thuộc về phẩm chất chính trị, nguyên tắc hay tác phong sinh hoạt; trách nhiệm chủ yếu thuộc về cá nhân đảng viên hay tập thể.

+ *Kịp thời* là việc thi hành kỷ luật phải khẩn trương, đúng lúc, không để kéo dài, làm giảm hoặc mất tác dụng của việc thi hành kỷ luật.

- Các hình thức kỷ luật của Đảng

+ Đối với tổ chức đảng có ba hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

+ Đối với đảng viên chính thức có bốn hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.

+ Đối với đảng viên dự bị có hai hình thức kỷ luật: khiển trách và cảnh cáo

- Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm.

Điều lệ Đảng quy định:

+ Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

+ Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao.

+ Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở những điểm chủ yếu nào trong Điều lệ Đảng?

2. Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó được Điều lệ Đảng quy định như thế nào?

3. Điều lệ Đảng quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của đảng viên như thế nào?

Bài 4

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

I. SỰ CẦN THIẾT HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Đạo đức và vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội

Đạo đức, hiểu theo nghĩa chung nhất, là một hình thái của ý thức xã hội, bao gồm những nguyên tắc, chuẩn mực và thang bậc giá trị được xã hội thừa nhận.

Đạo đức có tác dụng chi phối, điều chỉnh hành vi của mỗi người, phù hợp với lợi ích của xã hội.

Đối với mỗi cá nhân, ý thức và hành vi đạo đức mang tính “bổn phận”, diễn ra một cách tự giác, chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tinh thần bên trong. Đạo đức của mỗi cá nhân chịu sự tác động của dư luận xã hội, sự kiểm tra của những người khác trong xã hội, cũng như sự “tự kiểm tra” bởi chính mình.

Đạo đức có chức năng giáo dục, chức năng điều chỉnh và chức năng phản ánh.

Với chức năng giáo dục, chuẩn mực đạo đức được tập thể và cộng đồng chấp nhận tác động vào ý thức và hành vi đạo đức của mỗi cá nhân, để mỗi cá nhân tự giáo dục, rèn luyện, hoàn thiện nhân cách của mình theo chuẩn mực chung của xã hội. Mặt khác, khi nhận xét, đánh giá hành vi đạo đức của người khác, người nhận xét cũng tự điều chỉnh mình và qua đó làm cho chuẩn mực đạo đức chung trong xã hội ngày càng hoàn chỉnh.

Với chức năng điều chỉnh, chuẩn mực đạo đức điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân và mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Trong xã hội, quan niệm và hành vi đạo đức của người này có tác động đến quan niệm và hành vi đạo đức của người khác và ngược lại. Những chuẩn mực đạo đức được cộng đồng và toàn xã hội thừa nhận là công cụ quan trọng để điều khiển hoạt động chung của cả cộng đồng đồng thời với pháp luật và những quy định khác.

Với chức năng phản ánh, đạo đức phản ánh thực trạng xã hội, do tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Những mâu thuẫn đang tồn tại trong xã hội được thể hiện trong đạo đức xã hội. Một xã hội bị tha hoá về đạo đức thể hiện những mâu thuẫn đang tồn tại trong xã hội chưa được giải quyết.

2. Về sự suy thoái đạo đức, lối sống trong xã hội hiện nay

Qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân có nhiều tiến bộ... Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo trong công tác, rèn luyện phẩm chất, năng lực, đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, trong Đảng và trong xã hội ta hiện nay đã xuất hiện tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống. Nghị quyết Đại hội XI đã nhận định: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hoá giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa thực sự đi vào chiều sâu, ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, làm theo chưa đạt yêu cầu.”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.173.

Sự suy thoái về đạo đức, lối sống biểu hiện ở các dạng chủ yếu sau đây:

Một là, chủ nghĩa cá nhân, lối sống vị kỷ, vụ lợi, buông thả, hưởng thụ, thiếu lý tưởng, thiếu ý chí phấn đấu xuất hiện trong tất cả các tầng lớp xã hội.

Hai là, tệ tham nhũng, hối lộ, bòn rút của công, lãng phí diễn ra ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đang “trở thành quốc nạn”, gây bức xúc trong nhân dân.

Ba là, hành động cơ hội, “chạy chọt” vì lợi ích cá nhân khá phổ biến.

Bốn là, lời nói không đi đôi với việc làm, nói và làm trái với nghị quyết của Đảng; nói nhiều, làm ít; phát ngôn tùy tiện, vô nguyên tắc.

Năm là, tệ quan liêu, xa dân, lãnh đạm, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc và yêu cầu, đòi hỏi chính đáng của nhân dân.

Sáu là, tình trạng suy thoái về đạo đức trong quan hệ gia đình và quan hệ giữa cá nhân với xã hội, như: gia trưởng, vũ phu, bất hiếu...

Bảy là, đạo đức nghề nghiệp sa sút, ngay cả trong những lĩnh vực được xã hội tôn vinh. Hiện tượng mê tín, dị đoan có chiều hướng lan rộng, ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục và trật tự, an toàn xã hội.

Nguyên nhân của tình trạng trên có cả khách quan và chủ quan.

Về khách quan, trước hết do tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường, đặc biệt là khả năng kích thích lối sống thực dụng của cơ chế này. Sự tác động của đạo đức, lối sống tư sản, hưởng thụ phương Tây vào nước ta trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và bùng nổ mạng thông tin toàn cầu. Các thế lực thù địch, phản động đã chủ động khuyến khích lối sống ích kỷ, hưởng thụ, thực dụng trong cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo và gia đình họ, coi đó là một trong những biện pháp thực hiện “diễn biến hoà bình”.

Về nguyên nhân chủ quan, do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò nền tảng của đạo đức trong ổn định, phát triển xã hội và tác động của cơ chế kinh tế thị trường đến đạo đức xã hội. Trên thực tế, chúng ta chưa coi trọng giáo

dục đạo đức, lối sống; thiếu sự tổ chức, phối hợp các ngành, các cấp. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, đảng viên và gia đình chưa nêu gương về đạo đức, lối sống.

Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống nêu trên đã có tác động lớn đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nó đang làm thay đổi, lệch lạc những chuẩn mực, thang bậc giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc và cách mạng, có tác hại đến sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước. Sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho nhân dân lo lắng, bất bình, ảnh hưởng xấu đến uy tín và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, đến việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực trạng đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ, cùng với các nguy cơ khác dẫn đến mất ổn định chính trị xã hội, liên quan đến “sự sống còn của Đảng, của chế độ”.

Để nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội, Hội nghị Trung ương 3 khoá X của Đảng đã ban hành Nghị quyết “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí”. Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” trong toàn Đảng và toàn xã hội. Sau 5 năm thực hiện, Cuộc vận động đã thu được những thành tựu đáng khích lệ. Để tiếp tục triển khai việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đưa việc học tập này vào chiều sâu, biến thành công việc thường xuyên, hàng ngày của mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên và người dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI, Bộ Chính trị đã ban hành **Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 về việc tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**. Thực hiện tốt Chỉ thị này sẽ tiếp tục góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

II. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hoá của nhân loại; là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn coi trọng đạo đức, hình thành nên các chuẩn mực giá trị đạo đức tốt đẹp trong quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội, phù hợp với yêu cầu tồn tại, phát triển của dân tộc. Đó là truyền thống yêu quê hương đất nước; gắn bó với thiên nhiên, với cộng đồng; đoàn kết, thủy chung, nhân ái, quý trọng nghĩa tình; yêu lao động; dũng cảm, kiên cường, hiếu học, sáng tạo...

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, được Người kế thừa và phát triển, kết hợp với những tinh hoa văn hoá, đạo đức của nhân loại, cả phương Đông và phương Tây, mà Người đã

tiếp thu được trong quá trình hoạt động cách mạng đầy gian lao, thử thách và vô cùng phong phú của mình. Tư tưởng đạo đức đó kết hợp với đạo đức tiên tiến nhất của thời đại là đạo đức cộng sản trong Hồ Chí Minh, từ đó Người đã xây dựng nên những giá trị đạo đức mới, đó là *đạo đức cách mạng*.

Trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ đất nước, đạo đức mới - đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh - đã trở thành nền tảng và động lực tinh thần, là nguồn sức mạnh to lớn để Đảng và nhân dân ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giành độc lập, tự do, thống nhất cho Tổ quốc, xây dựng đất nước theo mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Công cuộc đổi mới đất nước hiện nay đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao trong việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc, giải phóng mọi tiềm năng cho sự phát triển. Phát huy mạnh mẽ những chuẩn mực đạo đức mới, sự năng động, sáng tạo, ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, quyết tâm không chịu mãi đói nghèo, đưa đất nước tiến lên cùng nhân loại và thời đại, là động lực tinh thần to lớn để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những biện pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục những tiêu cực về đạo đức, lối sống. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là niềm vinh dự và tự hào đối với mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người Việt Nam chúng ta. Để xứng đáng là cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức và rèn luyện, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người phải trở thành nhiệm vụ hằng ngày của mỗi đảng viên và những người đang phấn đấu vào Đảng.

2. Những nội dung chủ yếu của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

a) *Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí của đạo đức trong đời sống xã hội và của mỗi người*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là gốc của người cách mạng, muốn làm cách mạng phải lấy *đạo đức làm gốc*. Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nguồn nuôi dưỡng và phát triển* con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông, suối. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”².

Hồ Chí Minh quan niệm, *đạo đức cách mạng là chỗ dựa* giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách, Người viết: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... khi

gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá”³.

Đối với Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”. Trong bản *Di chúc* bất hủ, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

b) Quan điểm Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam

Về những phẩm chất đạo đức của người Việt Nam, quan điểm đạo đức Hồ Chí Minh đã bao quát những mối quan hệ cơ bản của con người trong xã hội, bao gồm:

Một là, với đất nước, dân tộc phải “Trung với nước, hiếu với dân”.

Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và phương Đông, được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trong điều kiện mới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân là điều chủ chốt của đạo đức cách mạng. Trung với nước là trung thành vô hạn với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, đấu tranh giành độc lập dân tộc và làm cho đất nước “sánh vai với cường quốc năm châu”. Nước là của dân, dân là chủ đất nước, cho nên “trung với nước” là trung với dân, trung thành với lợi ích của nhân dân, “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”; “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”...

Hiếu với dân là Đảng, Chính phủ, cán bộ nhà nước phải là “đầy tớ trung thành của dân”; phải “tận trung với nước, tận hiếu với dân”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân phải gắn bó với dân, gần dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, làm cho dân hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của người làm chủ đất nước.

Hai là, với mọi người phải “Yêu thương con người, sống có nghĩa, có tình”.

Yêu thương con người trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân văn của nhân loại, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Yêu thương con người thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong quan hệ xã hội, là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Yêu thương con người là phải quan tâm đến những người lao động bình thường, chiếm số đông trong xã hội. Yêu thương con người phải làm mọi việc

để vì con người, vì mục tiêu “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”; dám hy sinh, dám dấn thân để đấu tranh giải phóng con người.

Yêu thương con người phải tin vào con người. Với mình thì chặt chẽ, nghiêm khắc; với người thì độ lượng, rộng rãi, nâng con người lên, kể cả với người làm đường, lạc lối, mắc sai lầm, khuyết điểm.

Yêu thương con người là giúp cho mỗi người ngày càng tiến bộ, sống cao đẹp hơn. Yêu thương con người phải thực hiện tự phê bình, phê bình chân thành, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm.

Ba là, với mình phải thực sự “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh là mối quan hệ “với tự mình”.

Hồ Chí Minh quan niệm cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cần có của con người, mang một lẽ tự nhiên, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương và Người giải thích cặn kẽ, cụ thể nội dung từng khái niệm.

- *Cần* là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Phải thấy rõ “lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi chúng ta”.

- *Kiệm* là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương, hình thức...”.

- *Liêm* là “luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân”; “không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không tham tăng bốc mình...”.

- *Chính* là không tà, là thẳng thắn, đúng đắn. Đối với mình không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết. Đối với việc thì để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Được giao nhiệm vụ gì quyết làm cho kỳ được, “việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm; việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”.

- *Chí công vô tư* là đem lòng chí công vô tư đối với người, với việc. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Bốn là, mở rộng quan hệ yêu thương con người đối với toàn nhân loại, người cách mạng phải có “Tinh thần quốc tế trong sáng”.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về tình đoàn kết quốc tế trong sáng là sự mở rộng quan hệ đạo đức giữa người với người và với toàn nhân loại vì Người không chỉ là “người Việt Nam nhất” như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định, mà còn là “nhà văn hoá lớn của thế giới”, “chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế”.

Đoàn kết quốc tế trong sáng theo Hồ Chí Minh trước hết là đoàn kết với nhân dân lao động các nước vì mục tiêu chung: đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột. Đó là tình đoàn kết quốc tế giữa những người vô sản toàn thế giới vì một mục tiêu chung, “bốn phương vô sản đều là anh em”; là đoàn kết với các dân tộc vì hoà bình, công lý và tiến bộ xã hội.

Đoàn kết quốc tế gắn liền với chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước chân chính sẽ dẫn đến chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

c) Quan niệm Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng và thực hành đạo đức

Hồ Chí Minh nêu lên những nguyên tắc xây dựng và thực hành nền đạo đức mới trong xã hội, thể hiện ở ba điểm sau:

Một là, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm.

Nói đi đôi với làm trước hết là sự nêu gương tốt. Sự nêu gương của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau, lãnh đạo với nhân viên, đảng viên phải nêu gương trước quần chúng. Người nói: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹.

Hai là, xây đi đôi với chống.

Cùng với việc xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện đạo đức sai trái, xấu xa, không phù hợp với những chuẩn mực của đạo đức mới. Xây đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải tác động vào nhận thức, đẩy mạnh việc giáo dục, từ trong gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất đạo đức chung phải được cụ thể hoá, sát hợp với từng tầng lớp, đối tượng. Trong các bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã nêu rất cụ thể các phẩm chất đạo đức cơ bản đối với từng giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi và nhóm xã hội.

Trong giáo dục, vấn đề quan trọng là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh trong mỗi người, để mỗi người nhận thức được và tự giác thực hiện. Trong đấu tranh chống lại cái tiêu cực, lạc hậu phải phát hiện sớm, phải chú ý phòng ngừa, ngăn chặn.

Để xây và chống cần phát huy vai trò của dư luận xã hội, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt, phê phán cái xấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm để biểu dương người tốt việc tốt. Người đã phát động cuộc thi đua “3 xây, 3 chống”, viết sách “người tốt, việc tốt” để tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống.

Ba là, phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng phải qua đấu tranh, rèn luyện bền bỉ mới thành. Người viết: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Người dạy: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”².

Trong rèn luyện đạo đức, Hồ Chí Minh coi *tự rèn luyện* có vai trò rất quan trọng. Người khẳng định, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ xấu, chỗ tốt, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục. Tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi mối quan hệ của mình, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng.

3. Noi theo tám gương đạo đức trong sáng, mẫu mực của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh là tám gương đạo đức của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là tám gương đạo đức của một người Việt Nam chân chính, bình thường, gần gũi, ai cũng có thể học theo, làm theo, để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt hơn trong xã hội. Điều ấy thể hiện trong các điểm sau:

Một là, đạo đức Hồ Chí Minh là tám gương trọn đời phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng mục tiêu phấn đấu là vì nước, vì dân. Trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài và gian khổ, Người đã chấp nhận mọi sự hy sinh, không quản gian nguy, kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện bằng được mục tiêu đó.

Hai là, đạo đức Hồ Chí Minh là tám gương của ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích.

Cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh là một chuỗi năm tháng đấu tranh vô cùng gian khổ. Vượt qua bao khó khăn, Người kiên trì mục đích của cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm, khí phách, bình tĩnh, chủ động vượt qua mọi thử thách. Người tự răn mình: “Muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao”.

Ba là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn luôn tin ở con người, tin tưởng vào trí tuệ và sức mạnh của nhân dân; dựa vào dân, lấy dân làm gốc, nguyện làm “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, “người lính vâng lệnh quốc dân, đồng bào ra mặt trận”.

Bốn là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của lòng nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, hết mực vì con người.

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la với tất cả mọi kiếp người, chia sẻ với mỗi người những nỗi đau. Người nói “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹.

Năm là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Hồ Chí Minh sống thật sự cần, kiệm, giản dị, coi khinh sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng. Suốt đời Người sống trong sạch, vì dân, vì nước, vì con người, không gợn chút riêng tư. Người đã đề ra tư cách người cách mạng cho cán bộ, đảng viên phấn đấu và tự mình gương mẫu thực hiện.

Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên siêu việt, vô song “khó ai có thể vượt hơn”. Nhưng cũng chính từ sự kết hợp của những đức tính đó, Người là tấm gương cụ thể, gần gũi mà mọi người đều có thể noi theo.

4. Nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, mỗi cán bộ, đảng viên cần làm tốt các mặt sau đây:

Một là, thực hiện “trung với nước, hiếu với dân”, mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành vô hạn với mục tiêu lý tưởng của Đảng, của dân tộc, tham gia tích cực vào việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Suốt đời hy sinh phấn đấu vì nước, vì dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một mong muốn, mong muốn tột bậc là đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hưởng tự do, “đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chúng ta cần:

- Trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nền văn hoá, bảo vệ Đảng, chế độ và sự nghiệp đổi mới, bảo vệ lợi ích của đất nước, dân tộc.

- Luôn luôn quan tâm đến lợi ích của nhân dân, tôn trọng dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị của dân,

biết tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh của dân, tổ chức, động viên cho nhân dân phấn đấu thoát khỏi đói nghèo, “làm giàu cho mình, cho đất nước”.

- Có ý chí vươn lên, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng nước kém phát triển, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Có ý thức giữ gìn đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng trước mọi mưu đồ chia rẽ dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chia rẽ Đảng với nhân dân của các thế lực thù địch, cơ hội.

- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có lương tâm nghề nghiệp trong sáng; ham học hỏi, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ cá nhân - gia đình - tập thể - xã hội; quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, theo lời dạy của Bác: “Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”¹.

Hai là, thực hiện đúng lời dạy: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, nêu cao phẩm giá con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Tích cực lao động, học tập, công tác với tinh thần lao động sáng tạo, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn của Nhà nước, của tập thể, của chính mình một cách có hiệu quả.

- Quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, của nhân dân; không xa hoa, lãng phí, không phô trương, hình thức.

- Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, không để cho lợi ích cá nhân chi phối. Chống thói chạy theo danh vọng, địa vị, giành giật lợi ích cho mình, lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công; cục bộ địa phương, thu vén cho gia đình, cá nhân.

- Thẳng thắn, trung thực, bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; chân thành, khiêm tốn; không chạy theo chủ nghĩa thành tích, bao che, giấu giếm khuyết điểm...

Kiên quyết chống bệnh lười biếng, chạy theo lối sống hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, làm dối, làm ẩu. Có thái độ rõ ràng, lên án và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, loại trừ mọi biểu hiện vô liêm, bất chính ra khỏi đời sống xã hội.

Ba là, nâng cao ý thức dân chủ và kỷ luật, gắn bó với nhân dân, vì nhân dân phục vụ.

- Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, kỷ cương.

- Gần dân, học dân, có trách nhiệm với dân, khắc phục cho được thói vô cảm, lãnh đạm, thờ ơ trước khó khăn, thắc mắc, những đau khổ của nhân dân.

- Coi trọng tự phê bình và phê bình, “phải nghiêm khắc với chính mình”. Phê bình có mục đích trong sáng, có lý, có tình. Khắc phục bệnh chuộng hình thức, thích nghe lời khen (thậm chí xu nịnh), tăng bốc nhau, không dám nói thẳng, nói thật... để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đồng thời, cần phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân, vụ lợi mà “đấu đá”; nhân danh phê bình để đả kích, lôi kéo, chia rẽ, làm rối nội bộ.

Bốn là, học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh cần phát huy chủ nghĩa yêu nước gắn chặt với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền của các nước khác, mở rộng hợp tác cùng có lợi, cùng nhau phấn đấu vì hoà bình, phát triển, hợp tác, chống chiến tranh, đói nghèo, bất công, cường quyền, áp đặt trong quan hệ quốc tế. Với những vấn đề của quá khứ, lịch sử cần xoá bỏ mặc cảm, hận thù, nhìn về tương lai, xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào, tự tôn dân tộc; đấu tranh chống biểu hiện của dân tộc hẹp hòi, tự ti; đồng thời phê phán tư tưởng ngoại lai, vong bản, vọng ngoại, ảo tưởng trước chủ nghĩa tư bản.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Vì sao cần học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay?
2. Trình bày nội dung tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.
3. Phân tích nội dung học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Bài 5

PHẦN ĐẦU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Đảng không ngừng lớn mạnh nhờ thường xuyên làm tốt công tác phát triển đảng, chăm lo bồi dưỡng những người ưu tú trong giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp xã hội khác để bổ sung vào đội ngũ của mình. Nội dung bồi dưỡng, giáo dục quần chúng là mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao hiểu biết về Đảng, rèn luyện, thử thách trong thực tiễn công tác. Mặt khác, người muốn trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải là những quần chúng tiên tiến, tích cực, trải qua quá trình học tập, rèn luyện, phấn đấu, hội đủ các điều kiện cần thiết để được xét kết nạp vào Đảng.

I. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC XÉT KẾT NẠP VÀO ĐẢNG

Điểm 2, Điều 1 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định:

“Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng”.

Trong quy định này cần chú ý các nội dung sau:

1. Đảng viên phải là công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên

“Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam”; chỉ những người có quốc tịch Việt Nam mới là công dân Việt Nam, còn những người không có quốc tịch Việt Nam hoặc đã từ bỏ quốc tịch Việt Nam thì không được thừa nhận là công dân Việt Nam.

- Đây là đòi hỏi về pháp lý và tư cách công dân của người xin vào Đảng. Công dân Việt Nam được hưởng quyền và thực hiện các nghĩa vụ công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quan trọng nhất là tự nguyện gắn bó với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Đảng chỉ xét kết nạp những công dân Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên, vì ở độ tuổi đó con người có sự trưởng thành về nhận thức, có năng lực tư duy cần thiết, có ý thức trách nhiệm về mọi hành động của mình, đủ khả năng thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ công dân. Khi đó mới đủ điều kiện để thực hiện quyền và nhiệm vụ của đảng viên.

- Điều lệ Đảng không quy định tuổi tối đa của người vào Đảng. Từ 18 tuổi trở lên, những ai đáp ứng được tiêu chuẩn đều có thể được xem xét, kết nạp vào Đảng. Trong công tác phát triển Đảng, tiêu chuẩn quan trọng nhất là sự giác ngộ lý tưởng, phẩm chất chính trị, kiến thức và năng lực của người vào Đảng.

Tuy nhiên, để trẻ hoá đội ngũ của mình, Đảng luôn quan tâm phát triển Đảng trong thanh niên, những người trẻ tuổi, bảo đảm sự phát triển lâu dài và tương lai của Đảng.

Đối với những người tuổi đã cao (trên 60 tuổi), việc kết nạp vào Đảng có sự cân nhắc. Quy định thi hành Điều lệ Đảng số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 chỉ rõ: "Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định". Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29-12-2006 của Ban Tổ chức nói rõ thêm: "Phải được Ban Thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản trước khi cấp uỷ có thẩm quyền ra quyết định kết nạp".

2. Thừa nhận và tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng

- Thừa nhận và tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị của Đảng.

Người muốn vào Đảng trước hết phải có giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, thừa nhận và tự nguyện thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó được nêu trong Cương lĩnh chính trị của Đảng. Đây là điều kiện, tiêu chuẩn chính trị hàng đầu để trở thành đảng viên, xác định mục tiêu, phương hướng chính trị và động cơ hành động đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Nội dung điều kiện này yêu cầu người muốn được đứng trong đội ngũ của Đảng phải có quan điểm, lập trường chính trị đúng đắn, giác ngộ mục đích, lý tưởng của Đảng, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ do Đảng giao phó. Điểm 1, Điều 1 trong Điều lệ Đảng quy định: "Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân...".

Người vào Đảng không chỉ thừa nhận mà còn phải tự nguyện thực hiện Cương lĩnh. Thừa nhận mà không tự nguyện thực hiện thì chưa phải đã thừa nhận thực sự. Hành động thực tế là thước đo nhận thức, tư tưởng và ý thức phấn đấu của người vào Đảng.

- Thừa nhận và thực hiện Điều lệ Đảng.

Điều lệ Đảng là văn bản pháp lý cơ bản của Đảng, bảo đảm Đảng là một khối thống nhất. Vì vậy, người vào Đảng phải thừa nhận và thực hiện Điều lệ Đảng một cách vô điều kiện. Thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Đảng cũng là thể hiện sự giác ngộ chính trị và ý thức phấn đấu, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong, gương mẫu, ý thức cầu thị, tinh thần đoàn kết, khiêm tốn, gắn bó với tập thể, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Người muốn vào Đảng phải nghiên cứu kỹ Điều lệ Đảng.

- Thừa nhận và tự nguyện phấn đấu theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên.

Việc quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của đảng viên xuất phát từ mục tiêu lý tưởng của Đảng và của mỗi đảng viên. Người vào Đảng phải hiểu rõ và nắm vững tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, từ đó phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng để trở thành đảng viên của Đảng. Đảng không chỉ căn cứ vào những lời nói, mà chủ yếu căn cứ vào việc làm thực tế hàng ngày của người xin vào Đảng, qua đó xem xét thái độ và mục đích, xin vào Đảng. Tự giác thực hiện nhiệm vụ, phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có quan hệ gắn bó với quần chúng, được quần chúng tin nhiệm... là những điều kiện chủ yếu được quan tâm khi xem xét để kết nạp người vào Đảng.

- Tự nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng.

Một trong những nguyên tắc tổ chức cơ bản của đảng vô sản, phân biệt với các đảng chính trị khác là mỗi đảng viên của Đảng phải sinh hoạt tại một tổ chức cơ sở đảng. Điều đó tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Tổ chức cơ sở đảng là nơi trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, là nơi mà mỗi đảng viên thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, học tập, rèn luyện và trưởng thành trong thực tế đấu tranh cách mạng, trực tiếp tham gia vào hoạt động lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, bất kỳ người đảng viên nào, đảm nhiệm chức vụ gì trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, đều phải hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng nhất định. Người muốn vào Đảng phải có mối liên hệ mật thiết với tổ chức cơ sở đảng, chịu sự lãnh đạo, giáo dục, giúp đỡ để rèn luyện, thử thách và trưởng thành; được tổ chức cơ sở đảng xem xét kết nạp vào Đảng theo đúng thẩm quyền và thủ tục quy định.

3. Qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm

Điều lệ quy định, người muốn vào Đảng phải hoạt động trong phong trào quần chúng, tỏ rõ tính tích cực, tiên tiến so với quần chúng, cả về nhận thức, hành động và được quần chúng tín nhiệm. Phải lao động, học tập, công tác đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, có đạo đức, lối sống trong sạch, có khả năng cảm hoá, giáo dục, tập hợp quần chúng, được quần chúng tin cậy và noi theo. Đảng viên là người lãnh đạo quần chúng, vì vậy, người không được nhân dân tín nhiệm thì không thể là đảng viên.

Trở thành một người ưu tú là kết quả phấn đấu, rèn luyện qua một quá trình nhất định. Chỉ có thông qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn "lửa thử vàng, gian nan thử sức" mới chứng tỏ là người ưu tú, được Đảng lựa chọn. Sự đánh giá trung thực, khách quan của nhân dân giúp Đảng xem xét, kết nạp đúng những người thực sự ưu tú trong quần chúng vào Đảng.

Ngoài những điều kiện được quy định trong Điều lệ Đảng, Quy định số 23-QĐ/TW, ngày 31-10-2006 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng còn có quy định về trình độ học vấn của người vào Đảng:

"(a) Người vào Đảng nói chung phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên".

"(b) Người vào Đảng đang sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, không bảo đảm được quy định tại điểm (a) nêu trên thì nói chung cũng phải có trình độ học vấn tối thiểu là tiểu học".

II. PHẤN ĐẦU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Xác định động cơ vào Đảng đúng đắn

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Vì sao chúng ta vào Đảng? Phải chăng để thăng quan, phát tài? Không phải!... Chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm trọn nhiệm vụ của người đảng viên". Bác còn căn dặn nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay là khoan hãy vào Đảng. Bởi vì Đảng là tổ chức cách mạng có sứ mệnh cao cả đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh cho độc lập và chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là nơi để tìm kiếm danh vọng, địa vị, thu hái lợi lộc.

Phấn đầu vào Đảng là để được đứng trong một tổ chức của những người cùng chung chí hướng đấu tranh xây dựng một xã hội mới tốt đẹp dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Vào Đảng là dần thân theo lý tưởng cách mạng, chấp nhận hy sinh, phấn đấu, quyết tâm đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và dân tộc ta đã chọn là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Cái được lớn nhất khi vào Đảng là được phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, được Đảng và nhân dân tin cậy, yêu mến.

- Trong quá trình phấn đầu vào Đảng, việc xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn là điều có ý nghĩa quyết định. Đảng chỉ kết nạp những người thực sự giác ngộ về mục đích, lý tưởng cách mạng, quyết không thu nhận vào hàng ngũ mình những người mang động cơ thiếu trong sáng, lệch lạc; càng không để cho các phần tử cơ hội lọt vào Đảng. Để có động cơ vào Đảng đúng đắn, cần hiểu sâu sắc bản chất, mục đích của Đảng, tích cực góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra; thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi, xa lạ với bản chất của người chiến sĩ cách mạng.

- Xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng. Trong điều kiện hoà bình, Đảng cầm quyền và cơ chế kinh tế thị trường, mỗi người chúng ta nói chung, người đảng viên nói riêng, luôn phải đối mặt với biết bao khó khăn, thử thách và những cám dỗ của quyền lực, tiền tài... Nếu người vào Đảng không có động cơ vào Đảng trong sáng sẽ không thể vượt qua được những thử thách, không thắng nổi sự cám dỗ vật chất và những thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng

Bản lĩnh chính trị thể hiện ở nhận thức đúng đắn và kiên định mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn; trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động,

giảm sút niềm tin và ý chí chiến đấu. Khí tiết của người cách mạng là “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”. Đồng thời, bản lĩnh đó còn thể hiện ở tinh thần độc lập, sáng tạo, không thụ động, ỷ lại, bảo thủ, trì trệ. Trong điều kiện hiện nay, khi cách mạng thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, cần đặc biệt nhấn mạnh đến sự kiên định lập trường, quan điểm chính trị, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, với lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc.

- Để có bản lĩnh chính trị vững vàng, người phấn đấu vào Đảng cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, giữ vững niềm tin. Trước khó khăn, thử thách không nao núng tinh thần, không mất phương hướng chính trị và có thái độ, chính kiến rõ ràng, kiên định.

- Bản lĩnh chính trị được hình thành chủ yếu bằng nỗ lực của bản thân trong quá trình học tập, nắm vững lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng. Tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Bản lĩnh chính trị được rèn luyện qua hoạt động thực tiễn. Muốn trở thành đảng viên của Đảng cần thường xuyên tự rèn luyện mình qua thực tế sản xuất, công tác, hoạt động chính trị - xã hội. Chỉ có sự hiểu biết sâu rộng, trải nghiệm dày dặn qua trường học đấu tranh thực tiễn, chúng ta mới trở nên vững vàng, kiên định.

- Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng. Có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Đạo đức cách mạng có nội dung hết sức phong phú, nhưng như lời Bác Hồ dạy: “Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là: Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất”. Trong Đảng ta, biết bao đồng chí đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh oanh liệt, đã nêu gương chói lọi về đạo đức cách mạng. Ngày nay, đại bộ phận đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, được nhân dân quý mến, tin cậy. Đạo đức cách mạng hoàn toàn trái ngược với chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân gây ra nhiều tác hại, có khi nghiêm trọng. Xây dựng đạo đức cách mạng phải đi đôi với chống chủ nghĩa cá nhân.

Đạo đức cách mạng là kết quả của quá trình tu dưỡng, rèn luyện suốt đời, không ngừng nghỉ, như Bác Hồ đã dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Ngày nay, đạo đức cách mạng còn là ý chí, quyết tâm và góp sức đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh, nhân dân làm chủ xã hội và có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Không thể có đạo đức cách mạng nếu làm gì cũng tính toán thiệt hơn với Đảng, lúc nào cũng đòi hỏi hưởng thụ, muốn lựa chọn công việc theo ý thích và lợi ích cá nhân, sống cơ hội, thực dụng, coi đồng tiền là tất cả; lợi dụng cơ chế, chính sách để tham nhũng, lãng phí, làm giàu phi pháp...

- Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là phủ định vai trò, lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở thích riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình. Lợi ích cá nhân được tôn trọng khi nó không trái với lợi ích chung của cộng đồng. Đường lối của Đảng là kết hợp hài hoà ba loại lợi ích: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, trong đó, lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp. Đảng luôn luôn tôn trọng và quan tâm đến lợi ích cá nhân, đồng thời kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, đặt lợi ích cá nhân mình lên trên, lên trước lợi ích tập thể và toàn xã hội.

3. Nâng cao năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

- Đảng viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập giỏi. Để xứng đáng với vai trò tiên phong, gương mẫu “đảng viên đi trước, làng nước theo sau” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

- Để trở thành đảng viên, người phấn đấu vào Đảng cần hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của mình và nhiệm vụ được tổ chức đảng, đoàn thể giao cho, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả cao. Đó là điều kiện chủ yếu để quần chúng tin cậy giới thiệu và tổ chức đảng xem xét kết nạp vào Đảng. Trong điều kiện hiện nay, ngoài nhiệt tình cách mạng cần đặc biệt coi trọng nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực thực tiễn; không ngừng học tập, thường xuyên tiếp nhận những hiểu biết mới để đủ kiến thức đáp ứng các yêu cầu do thực tiễn đặt ra. Phải coi trọng việc học tập chính trị cùng với chuyên môn, nghiệp vụ. Đảng không thể kết nạp những người lười học tập, hoặc học lấy lệ, chỉ cốt lấy bằng cấp, không thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu.

4. Gắn bó với tập thể, với nhân dân, tích cực tham gia hoạt động đoàn thể, công tác xã hội

- Một trong những truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự gắn bó mật thiết, máu thịt với nhân dân. Đảng viên phải giữ vững và phát huy truyền thống đó, trước hết thể hiện sự gắn bó với quần chúng ở nơi làm việc và nơi cư trú của mình. Phải hoà mình với quần chúng, tin tưởng, am hiểu và lắng nghe ý kiến của quần chúng. Thường xuyên chăm lo đời sống, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Muốn trở thành đảng viên, người phấn đấu vào Đảng phải gắn bó với tập thể, với nhân dân, với đồng nghiệp, bạn bè trong đơn vị công tác, với bà con làng xóm, khối phố; tôn trọng, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Hoà mình với quần chúng nhưng không bị động theo những suy nghĩ và việc làm tiêu cực, sai trái, mà luôn luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, vận động mọi người đoàn kết, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra.

- Người phấn đấu vào Đảng phải nhiệt tình tham gia sinh hoạt đoàn thể mà bản thân là thành viên, góp phần phát huy vai trò của đoàn thể trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Qua hoạt động đoàn thể, người phấn đấu vào Đảng thể, hiện rõ vai trò, khả năng lãnh đạo, tập hợp quần chúng, phát huy tính tiên phong, gương mẫu - những phẩm chất cần thiết để trở thành đảng viên của Đảng. Ở nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người trong độ tuổi thanh niên muốn vào Đảng nhất thiết phải là đoàn viên ưu tú.

- Người muốn vào Đảng càng phải chú trọng mở rộng quan hệ xã hội và tích cực tham gia công tác xã hội, gương mẫu và vận động gia đình, người thân tham gia các phong trào, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phát huy truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc; chống tệ nạn xã hội, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Tích cực tham gia xây dựng Đảng ở cơ sở

- Để được đứng trong hàng ngũ của Đảng, người phấn đấu vào Đảng phải tích cực tham gia xây dựng Đảng. Nhân dân ta gắn bó với Đảng và luôn tham gia đóng góp cho Đảng. Vì vậy, tham gia xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở trong sạch, vững mạnh là trách nhiệm của người phấn đấu vào Đảng.

- Nội dung tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng của người phấn đấu vào Đảng là: Bằng sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế của mình quan tâm đóng góp ý kiến với chi bộ, đảng bộ trong việc lãnh đạo cơ quan, đơn vị chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống nhân dân và động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Tham gia xây dựng Đảng ở cơ sở còn bao gồm các nội dung sau:

+ Tích cực hưởng ứng các phong trào, các hoạt động triển khai thực hiện chủ trương, nhiệm vụ do đảng bộ, chi bộ đề ra với tinh thần chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu cao nhất. Góp phần tích cực đưa những chủ trương, nhiệm vụ đó vào cuộc sống, tạo ra bước phát triển mới của cơ sở, đơn vị, nhất là về phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực.

+ Chủ động nắm bắt tình hình thực tế, nắm bắt tình hình tư tưởng của quần chúng nhân dân, kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, kịp thời phản ánh, đề xuất với tổ chức đảng.

+ Tích cực và mạnh dạn tham gia góp ý kiến đối với sự lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

+ Tham gia ý kiến khi được hỏi về việc giới thiệu những đảng viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để tổ chức đảng xem xét, bầu vào cấp uỷ; giới thiệu những quần chúng ưu tú có đủ điều kiện để tổ chức đảng xét kết nạp.

+ Tham gia góp ý kiến đối với hoạt động của chính quyền và đoàn thể, góp phần xây dựng cơ sở chính trị trong sạch, vững mạnh.

+ Tích cực và kiên quyết đấu tranh bảo vệ Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, đơn vị. Góp phần làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng dân chủ để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng; vu cáo, bôi nhọ những cán bộ, đảng viên, tích cực, trung thực; kích động, chia rẽ đoàn kết, gây rối nội bộ.